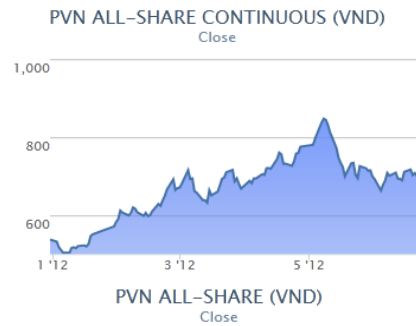


DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

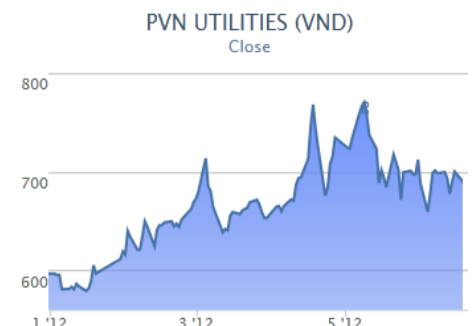
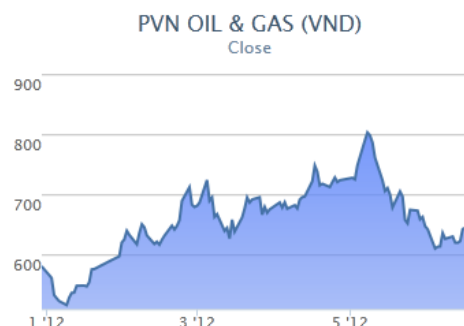


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	840.45	↓ -9.87	↓ -1.16
PVN All-Share Continuous	699.64	↓ -7.85	↓ -1.11
PVN All-Share	680.69	↓ -6.59	↓ -0.96
PVN All-Share HSX	715.9	↓ -8.43	↓ -1.16
PVN All-Share HNX	636.26	↓ -6.4	↓ -1
PVN Vật Liệu Cơ Bản	997.1	↓ -2.9	↓ -0.29
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	880.28	↓ -7.04	↓ -0.79
PVN Tài Chính	663.91	↓ -8.84	↓ -1.31
PVN Công Nghiệp	558.54	↓ -11.34	↓ -1.99
PVN Dầu Khí	631.95	↓ -7.72	↓ -1.21
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	673.03	↓ -10.16	↓ -1.49

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	431.10 ↓	-1.79	-0.41%
KLGD (triệu ck)	43.84 ↑	10.63	32.03%
GTGD (tỷ đồng)	687.29 ↑	158.59	30.00%
Tổng cung (triệu ck)	162.33 ↑	89.06	121.54%
Tổng cầu (triệu ck)	168.78 ↑	83.38	97.64%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.41 ↑	2.18	176.91%
KL bán (triệu ck)	2.31 ↑	0.34	17.35%
Giá trị mua (tỷ đồng)	70.32 ↑	41.04	140.20%
Giá trị bán (tỷ đồng)	48.85 ↑	11.67	31.40%

Nhận định thị trường:

Thông báo sau cuộc họp chính sách, Fed sẽ mở rộng chương trình thay thế trái phiếu ngắn hạn bằng trái phiếu dài hạn (Operation Twist) thêm 267 tỷ USD cho đến cuối 2012 nhằm hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp và bảo vệ đà tăng trưởng. Fed vừa cắt giảm dự báo tăng trưởng và lạm phát trong 3 năm tới và cho rằng tỷ lệ thất nghiệp sẽ duy trì trên mức 8% cho đến cuối 2012.

Bắt đầu từ 16h ngày 21/6, xăng giảm 700 đồng/lít; diesel giảm 400 đồng/lít; dầu hỏa giảm 350 đồng/lít; dầu mazut giảm 300 đồng/kg.

Gần đây xuất hiện một số TCTD nhận tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng và cho phép người gửi tiền hưởng lãi suất trên 12 tháng khi rút trước hạn (sau 1 tháng hoặc 3 tháng...). NHNN đã có công văn yêu cầu các TCTD công khai các qui định về tiền gửi các kỳ hạn, đồng thời có thể thanh tra toàn diện các TCTD vi phạm qui định.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho biết sẽ hoãn kế hoạch niêm yết tới cuối quý 3/2012 do đà suy giảm của chỉ số VN-Index trong thời gian qua.

Nhiều công ty niêm yết đã đặt kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông nhưng do tình hình kinh doanh gặp nhiều biến động nên đã phải điều chỉnh tỷ lệ này. (một số công ty như LCG, PTL, CSG, ITA, VCR... đã giảm tỷ lệ chi trả cổ tức 2011).

Về mặt kỹ thuật, VN-Index sẽ tiếp tục dao động trong vùng 411-440 điểm, và vùng tương ứng của HNX-index là 70 – 76 điểm. Với mức điểm hiện tại và tình trạng cạn kiệt của dòng tiền bên mua kéo dài thì nguy cơ sụt giảm ngắn hạn vẫn còn hiện hữu. Mặc dù gần đây xuất hiện khá nhiều thông tin tương đối tích cực như CPI các thành phố lớn, giảm giá bán lẻ xăng dầu trong nước v.v... nhưng nếu thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn không tăng trở lại thì kịch bản tăng mạnh của thị trường sẽ khó xảy ra. NĐT ngắn hạn tạm thời chưa nên tham gia vào thị trường.

Công Ty CPCK Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

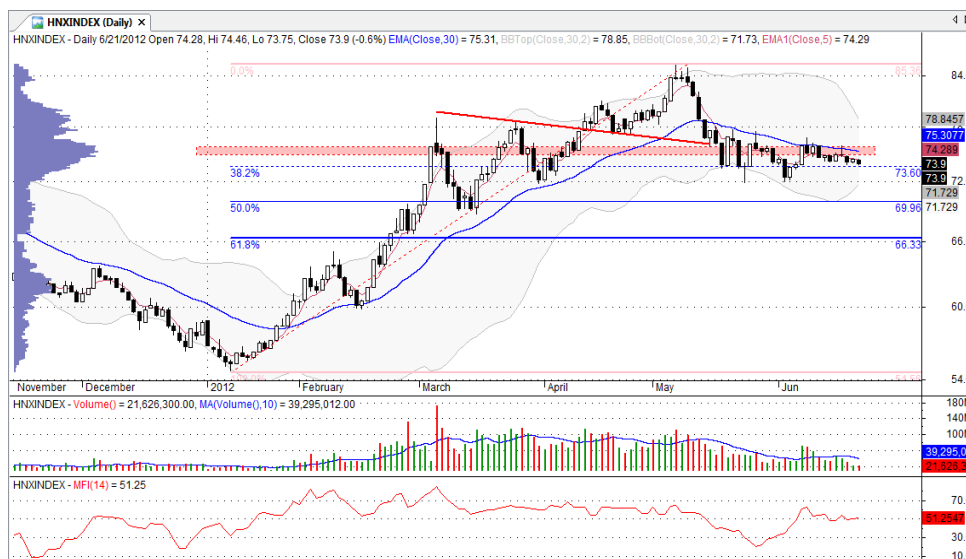
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	73.90 ↓	-0.46	-0.62%
KLGD (triệu ck)	25.26 ↑	10.92	76.15%
GTGD (tỷ đồng)	273.63 ↑	116.24	73.86%
Tổng cung (triệu ck)	52.35 ↑	21.91	71.98%
Tổng cầu (triệu ck)	51.74 ↑	19.99	62.96%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.52 ↑	0.39	304.98%
KL bán (triệu ck)	0.59 ↑	0.37	170.19%
Giá trị mua (tỷ đồng)	7.59 ↑	6.20	444.95%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.20 ↑	6.34	221.98%



Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index:

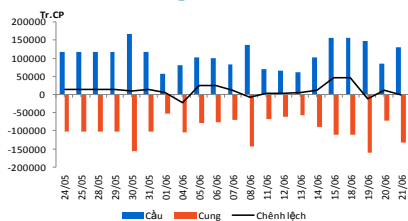
- Xu thế: dao động ngang
- Vùng dao động: 70 – 76 điểm
- Kháng cự mạnh: 76 điểm
- Hỗ trợ mạnh: 66 điểm
- Trạng thái: dao động hẹp
- Thanh khoản: Sụt giảm đột biến
- Sức mạnh tăng/giảm giá: Rất yếu
- Mô hình kì vọng: Không có

Hiện trạng kỹ thuật của HNX-index hầu như không có tín hiệu từ Indicator nào đưa ra các cảnh báo tăng giảm, tuy nhiên có một dấu hiệu rất quan trọng đó là yếu tố từ thanh khoản. Thanh khoản HNX-Index không phải là giảm dần và xuống thấp, mà thực chất là một sự “sụt giảm đột biến”.

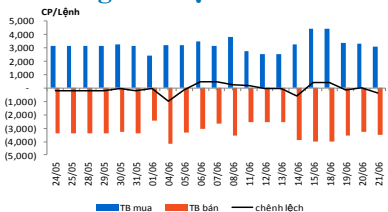
Hiện tại, chỉ số HNX-Index đang dao động trong vùng 70 – 76 điểm với 76 điểm là một vùng tích lũy/phân phối có ý nghĩa rất quan trọng (kháng cự mạnh mang tính chất quyết định xu thế). Với hiện trạng KLGD như hiện tại có thể thấy rằng gần như giao dịch trên HNX ở trạng thái “đóng băng”. Về mặt kỹ thuật, trạng thái này thường là biểu hiện trước một đợt sóng khá mạnh của chỉ số. Theo đó, NĐT nên tiếp tục giữ vị thế tiền mặt và cẩn thận trọng với những diễn biến trên sàn HNX cho tới khi một xu thế mới được xác lập.

HSX:

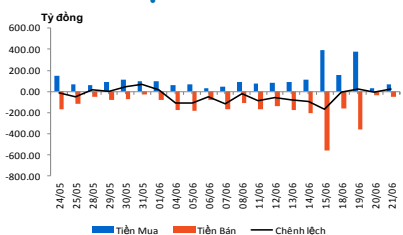
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

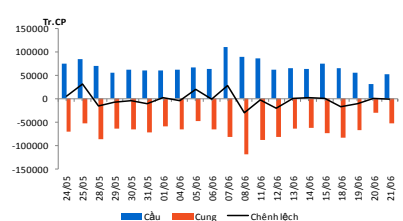
Sau 15 phút mở cửa, HOSE có khoảng 1.3 triệu đơn vị chuyển nhượng, tương đương 24 tỷ đồng. Khá nhiều mã trụ cột đảo chiều giảm giá như BVH, HAG, VNM, SSI. Chỉ có một số rất ít tăng giá như GAS, VCB, DPM, PXT. Phần còn lại giữ ở mức tham chiếu. Toàn sàn chỉ có 36 mã tăng giá và 52 mã giảm giá. Còn lại đều ở mức tham chiếu hoặc chưa khớp lệnh. Theo đó, VN-Index mở cửa giảm 0.62 điểm, tức 0.14% xuống 432.27 điểm.

Suốt buổi sáng chỉ có 28.4 triệu đơn vị chuyển nhượng tại HOSE, tương đương 457.41 tỷ đồng và VN-Index tạm dừng ở 432.16 điểm.

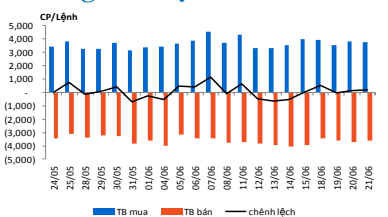
Kết phiên, VN-Index đã mất 1.75 điểm, tức 0.4% so với tham chiếu xuống 431.14 điểm. Thị trường ghi nhận gần 150 mã giảm giá, với khoảng 20 mã giảm kịch sàn. Còn lại 72 mã tăng, gồm 14 mã kịch trần. Thanh khoản cải thiện đôi chút với gần 44 triệu đơn vị, tương đương 687 tỷ đồng, trong đó khoảng 6.78 triệu đơn vị đến từ giao dịch thỏa thuận, trị giá 153.78 tỷ đồng.

HNX:

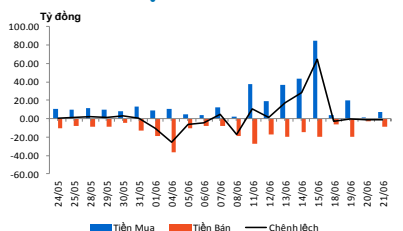
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Đầu phiên, HNX-Index có lúc bật xanh nhưng nhanh chóng đảo chiều giảm nhẹ 0.07 điểm, tức 0.09% xuống 74.29 điểm. Các mã chủ chốt của sàn này đều giảm hoặc đứng mốc tham chiếu, ngoại trừ VND nhích nhẹ 100 đồng/cp. Giao dịch ở mức rất thấp, với hơn 1 triệu đơn vị, tương đương 11.65 tỷ đồng. Toàn sàn chỉ có 21 mã giảm, 30 mã tăng và 349 mã đứng yên.

Kết thúc phiên sáng, HNX có 13 triệu đơn vị, trị giá 148.86 tỷ đồng. HNX-Index giảm 0.19 điểm, lùi về 74.17 điểm.

Đà giảm của chỉ số tiếp tục nới rộng vào phiên giao dịch buổi chiều khi lượng bán ra gia tăng ở hầu khắp các mã. Kết phiên, Trên sàn Hà Nội, lệnh bán gia tăng ở các mã chủ chốt như PVX, SCR, KLS, VCG, SHB, PVS, SHS... tổng cộng 125 mã giảm làm cho HNX-Index nới rộng biên độ tăng lên 0.46 điểm, tức 0.62% đóng cửa tại 73.9 điểm. Giao dịch cũng nhích nhẹ so với phiên trước, đạt 25.26 triệu đơn vị, tương đương 273.65 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 3 cổ phiếu tăng giá, 5 cổ phiếu đứng giá và 20 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là GSP (tăng 4,65%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PTL (giảm 3,64%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,9% và tổng khối lượng giao dịch đạt 7,776 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 21/06:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,800.0	1,100	↓ -1.69	0.51	15.68	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,800.0	19,000	→ 0.00	0.37	34.55	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	5,500.0	43,100	↓ -1.79	0.32	0.54	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,700.0	274,400	↓ -1.30	1.86	1.51	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	12,800.0	39,400	↓ -0.78	1.19	8.10	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,400.0	-	→ 0.00	0.49	2.98	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,500.0	53,600	↑ 1.85	0.54	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	15,900.0	36,500	↓ -1.24	0.95	2.38	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	11,700.0	35,200	→ 0.00	2.05	5.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,300.0	190,600	↓ -0.81	0.79	8.85	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18,800.0	14,700	↓ -1.05	0.81	9.49	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,700.0	-	→ 0.00	0.64	3.15	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,800.0	464,300	↓ -0.63	1.33	4.22	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	10,200.0	3,467,516	↓ -1.92	0.45	3.83	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,500.0	143,970	↑ 0.26	3.11	12.34	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,400.0	131,610	↓ -0.29	2.06	5.56	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,500.0	9,500	↓ -0.72	1.26	3.35	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	9,000.0	214,480	↑ 4.65	0.77	6.57	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,500.0	363,880	↓ -0.79	0.71	3.08	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,000.0	15,000	↓ -1.79	1.61	4.66	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	5,300.0	426,950	↓ -3.64	0.52	4.11	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,300.0	39,420	↓ -1.67	1.19	6.94	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	13,000.0	775,170	↓ -1.52	1.14	16.46	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,700.0	891,810	↓ -3.39	0.58	51.82	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	7,000.0	72,470	→ 0.00	0.67	4.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,400.0	10,620	↓ -3.03	0.58	3.33	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,300.0	25,020	↓ -0.88	0.85	3.39	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,400.0	17,310	↓ -3.03	0.59	4.21	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
STB	22,800	22,300	-2.19	73,555,392
DLG	9,600	9,200	-4.17	36,543,792
EIB	18,400	18,400	0.00	19,364,962
CSM	28,100	28,100	0.00	17,832,854
SAM	8,500	8,500	0.00	17,179,364

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	10,400	10,200	-1.92	35,624
SCR	14,300	13,900	-2.80	30,544
VND	11,800	11,800	0.00	22,686
ACB	25,800	25,800	0.00	18,349
KLS	10,600	10,500	-0.94	17,709

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VKP	800	900	100	12.50
VSG	1,800	1,900	100	5.56
IFS	4,000	4,200	200	5.00
COM	28,400	29,800	1,400	4.93
TAC	45,100	47,300	2,200	4.88

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VAT	4,300	4,600	300	6.98
SDB	2,900	3,100	200	6.90
MKV	10,200	10,900	700	6.86
HPS	6,100	6,500	400	6.56
CVN	7,700	8,200	500	6.49

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HLG	10,000	9,500	-500	-5.00
OGC	14,100	13,400	-700	-4.96
DRH	4,100	3,900	-200	-4.88
STG	20,800	19,800	-1,000	-4.81
CII	31,400	29,900	-1,500	-4.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PMS	7,200	6,700	-500	-6.94
CAP	24,500	22,800	-1,700	-6.94
ALT	11,700	10,900	-800	-6.84
VBH	16,400	15,300	-1,100	-6.71
DNP	16,000	15,000	-1,000	-6.25

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VCB	12,854	STB	14,550
MBB	9,520	VSH	6,172
JVC	8,132	JVC	5,750
REE	7,807	BVH	2,703
EIB	5,778	VIC	2,230

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DBC	2,492	PVS	1,905
VND	1,474	DXP	1,470
PVS	1,352	AAA	1,028
NTP	676	VNR	871
PVE	289	NTP	676

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339